

Số: KH-CĐBP

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TOÀN KHOÁ
Lớp: Cao đẳng điều dưỡng chính quy (26CĐDCQ.4A, 4B)

Ngành đào tạo: Điều dưỡng

Mã ngành, nghề: 6720301

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người Điều dưỡng trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về điều dưỡng để thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên ngành; có khả năng tự học vươn lên góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Trình bày được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Phân tích được về dược lý, dinh dưỡng, tâm lý con người, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh;
- Giải thích được quá trình dược động học của thuốc, tác dụng của thuốc, quy chế sử dụng thuốc để sử dụng thuốc hợp lý và an toàn;
- Trình bày được kiến thức về vi ký sinh để xác định các nguyên nhân gây bệnh, nguồn lây nhiễm để lập kế hoạch phòng bệnh;
- Giải thích được quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện và hướng dẫn được cho người bệnh các thủ tục, giấy tờ cần thiết cho người bệnh ra viện;
- Phân tích được được đặc điểm tâm lý từng người bệnh để lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2. Về kỹ năng

- Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh;
- Phân loại được người bệnh đến khám và cấp cứu, xác định được vấn đề ưu tiên để đưa ra hướng xử trí phù hợp;

- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành;
- Phụ giúp được bác sĩ thực hiện các thủ thuật trên người bệnh;
- Thực hiện việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp cấp cứu tại cộng đồng;
- Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách;
- Theo dõi, đánh giá tình trạng, ghi chép những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo các diễn biến bất thường của người bệnh;
- Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh;
- Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng;
- Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm
- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực điều dưỡng và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.
- Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của cá nhân và của nhóm.

2. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Điều dưỡng phòng khám;
- Điều dưỡng chăm sóc;
- Điều dưỡng cộng đồng.

3. Khóa học: 2026 - 2029

4. Thời gian khóa học: 03 năm (từ 9/2026 - 8/2029)

5. Thời gian học tập: Thời gian thực học 32 tuần/năm; thời gian ôn tập, kiểm tra hết môn học/ mô đun, thời gian ôn, thi tốt nghiệp 8 tuần/năm.

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2505 giờ/ 100 tín chỉ
- Số lượng môn học, mô đun: 40

- Khối lượng học tập các môn học chung: 435 giờ/ 19 tín chỉ
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 2070 giờ/ 81 tín chỉ
- Khối lượng lý thuyết: 779 giờ; thực hành, thực tập: 1726 giờ

8. Thời gian khai giảng, bế giảng, nghỉ lễ, nghỉ hè và dự phòng: 12 tuần

9. Quyết định phê duyệt chương trình đào tạo

Quyết định số 303/QĐ-CĐBP, ngày 09/8/2024 của Trường Cao đẳng Bình Phước về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng ngành Điều dưỡng.

10. Quyết định tổ chức lớp học

Quyết định số 386/QĐ-CĐBP ngày 05/9/2026 của Hiệu trưởng Cao đẳng Bình Phước về việc thành lập các lớp năm học 2026 - 2027 của Trường Cao đẳng Bình Phước

PHÂN BỐ THỜI GIAN HỌC TẬP TOÀN KHÓA

Mã môn học	Tên môn học/module	Số tín chỉ	Thời gian của môn học, mô đun (giờ)				Kiểm tra (Số bài)		Học kỳ dự kiến
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Định kỳ	Thường xuyên	
	HỌC KỲ I								
MH.1.CĐ	Chính trị	4	75	41	29	5	1	1	1
MH.2.CĐ	GDTC	2	60	5	51	4	1	1	1
MH.3.CĐ	GDQP-AN	4	75	36	35	4	1	1	1
MH.4.CĐ	Tin học	3	75	15	58	2	1	1	1
MH.5.CĐ	Pháp luật	2	30	18	10	2	1	1	1
MH.6.CĐ	Anh văn	5	120	42	72	6	1	1	1
MĐ7.CĐ	Xác suất, Thống kê Y học - Ứng dụng phần mềm SPSS	2	45	14	28	3	1	1	1
MĐ8.CĐ	Sinh học và Di truyền	2	30	28		2	1	1	1
MĐ9.CĐ	Vật lý đại cương và Lý sinh	2	45	14	28	3	1	1	1
MĐ10.CĐ	Giải phẫu- Sinh lý	3	60	28	28	4	2	2	1
MĐ11.CĐ	Vi sinh vật – Ký sinh trùng	2	45	14	28	3	1	1	1
MĐ12.CĐ	Hoá sinh	2	45	14	28	3	1	1	1
	TỔNG	33	705	269	395	41			1
	HỌC KỲ II								
MĐ13.CĐ	Sinh lý bệnh	2	45	14	28	3	1	1	2
MH14.CĐ	Dược lý	2	30	28		2	1	1	2
MH15.CĐ	Sức khoẻ - Nâng cao sức khoẻ và hành vi con người	1	15	13		2	1	1	2

Mã môn học	Tên môn học/module	Số tín chỉ	Thời gian của môn học, mô đun (giờ)				Kiểm tra (Số bài)		Học kỳ dự kiến
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Định kỳ	Thường xuyên	
MH16.CĐ	Y đức – Pháp luật và tổ chức y tế	1	15	14		1	1	1	2
MH17.CĐ	Dinh dưỡng – Tiết chế	2	30	28		2	1	1	2
MH18.CĐ	Sức khỏe, môi trường và vệ sinh – Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm	3	45	42		3	1	1	2
MĐ19.CĐ	Điều dưỡng cơ sở I	4	90	28	58	4	2	2	2
MĐ20.CĐ	Điều dưỡng cơ sở II	4	90	28	58	4	2	2	2
	TỔNG	19	360	195	144	21			
	HỌC KỲ III								
MĐ21.CĐ	Giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	1	30	0	28	2	1	1	3
MĐ22.CĐ	Giáo dục sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng	1	30	0	28	2	1	1	3
MĐ23.CĐ	Kiểm soát nhiễm khuẩn và an toàn người bệnh	2	45	14	28	3	1	1	3
MĐ24.CĐ	TTBV Điều dưỡng cơ sở	2	90		86	4	1	1	3
MĐ25.CĐ	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa I	3	60	28	28	4	2	2	3
MĐ26.CĐ	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa II	3	60	28	28	4	2	2	3
MĐ27.CĐ	TTBV Chăm sóc sức khỏe Nội khoa I, II	4	180	0	172	8	1	1	3
	TỔNG	16	495	70	398	27			
	HỌC KỲ IV								
MĐ28.CĐ	Chăm sóc sức khỏe ngoại khoa	3	60	28	28	4	2	2	4
MĐ29.CĐ	TTBV Chăm sóc sức khỏe ngoại khoa	2	90	0	86	4	1	1	4
MĐ30.CĐ	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ - bà mẹ - gia đình	3	60	28	28	4	1	1	4
MĐ31.CĐ	TTBV Chăm sóc sức khỏe phụ nữ - bà mẹ - gia đình	2	90	0	86	4	1	1	4

Mã môn học	Tên môn học/module	Số tín chỉ	Thời gian của môn học, mô đun (giờ)				Kiểm tra (Số bài)		Học kỳ dự kiến
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Định kỳ	Thường xuyên	
	TỔNG	10	300	56	228	16			
	HỌC KỲ V								
MĐ32.CĐ	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	3	60	28	28	4	2	2	5
MĐ33.CĐ	TTBV Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	90	0	86	4	1	1	5
MH.34.CĐ	Chăm sóc sức khỏe người bệnh chuyên khoa	2	45	14	28	2	1	1	5
MĐ35.CĐ	TTBV chăm sóc người bệnh chuyên khoa	2	90		86	4	1	1	5
MĐ36.CĐ	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	1	15	14		1	1	1	5
MĐ37.CĐ	Nghiên cứu và Quản lý điều dưỡng	3	60	28	28	4	2	2	5
	TỔNG	13	360	84	256	19			
	HỌC KỲ VI								
MĐ38.CĐ	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	1	30	28		2	1	1	6
MĐ39.CĐ	Thực tập cộng đồng, thực tế cuối khóa	3	135		130	5	1	1	6
MĐ40.CĐ	Điều dưỡng chuyên khoa hệ nội (Môn tự chọn)	4	90	28	58	4	2	2	6
	TỔNG	6	255	56	188	11			

THI TỐT NGHIỆP

STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	Thi viết hoặc trắc nghiệm	≤ 180 phút
2	Thực hành nghề nghiệp	Bài thi thực hành tổng hợp	4 giờ - 8 giờ

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các phòng, khoa;
- Giáo viên chủ nhiệm;
- HSSV khoá 26CĐDCQ.4;
- Website Trường;
- Lưu VT, ĐT

HIỆU TRƯỞNG

Hà Văn Kiên